

1. Nước ta đang từng bước chuyển đổi sang kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Quá trình chuyển đổi đó được thực hiện qua ba bước cơ bản: (1) cải cách cơ cấu sở hữu, biến nền kinh tế về cơ bản dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể thành nền kinh tế nhiều thành phần dựa trên sự đa dạng

phân cấu thành sau:

- (i) Quan hệ cung cầu là quan hệ trung tâm của cơ chế thị trường;
- (ii) Giá cả thị trường là cốt lõi của cơ chế thị trường và
- (iii) Cạnh tranh là sức sống của cơ chế thị trường

Những khái quát trên đây có thể dùng để thể hiện phạm trù cơ chế kinh

nào, sản xuất cho ai.

2. Nội dung của sự chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

2.1. Nội dung đầu tiên của chương trình chuyển đổi là phải bảo đảm sự ổn định vĩ mô về kinh tế - xã hội bởi vì khi tiến hành cải cách, hầu như các nước đều vấp phải những vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt như lạm phát, giá cả gia tăng, sự nghèo khổ... vốn đã bị che đậy trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung. Một trong những yếu tố quyết định của sự ổn định là sự ổn định về chính trị đảm bảo cho chương trình ổn định kinh tế vĩ mô tiến hành được nhất quán.

2.2. Nội dung cơ bản của sự chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường là tự do hóa kinh tế, bao gồm tự do hóa giá cả, tự do hóa hoạt động thương mại và bao gồm cả việc mở cửa cho đầu tư tư nhân trong nước và ngoài nước theo pháp luật.

2.3. Cải cách thể chế theo định hướng thị trường mà trước hết nhà nước phải tạo ra môi trường pháp lý cho đầu tư và kinh doanh, tạo ra một sân chơi bình đẳng và cạnh tranh

QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG CƠ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở VIỆT NAM

THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

CUNG THỊ TUYẾT MAI

hóa của sở hữu; (2) đổi mới cơ chế kinh tế với định hướng chuyển từ trạng thái nhà nước chỉ huy nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính, bằng kế hoạch hóa tập trung quan liêu sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN; (3) từng bước chuyển sang nền kinh tế hàng hóa và hình thành một hệ thống kinh tế mới.

Kinh tế hàng hóa là một thành tựu của nền văn minh nhân loại và không đối lập với CNXH. Cơ chế vận hành của nó là cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

Có nhiều định nghĩa về cơ chế thị trường. Khi phân tích cơ chế kinh tế trong thời kỳ tự do cạnh tranh của CNTB, C.Mác đã chỉ ra những đặc trưng sau:

Một là, các quan hệ kinh tế hoàn toàn chịu sự chi phối của các quy luật thị trường, chưa bị biến dạng bởi các quyết định hành chính của nhà nước và các thế lực độc quyền;

Hai là, giá cả thị trường là kết quả khách quan của quan hệ cung cầu, nó tồn tại độc lập với cả người mua và người bán, họ chỉ là "những người nhận giá";

Ba là, tư liệu sản xuất và sức lao động được tự do di chuyển từ ngành này sang ngành khác theo cơ chế thị trường, do đó nâng cao hiệu quả đầu tư của tư bản.

Như vậy, theo tư tưởng của Mác, cơ chế kinh tế thị trường gồm có các bộ



tế thị trường. Theo tôi, cơ chế kinh tế thị trường là tổng thể phương thức vận hành nền kinh tế sao cho phù hợp với các quy luật khách quan của thị trường, trong đó gồm có các quan hệ kinh tế (mà quan hệ cung cầu là trung tâm), các hình thức kinh tế (mà giá cả thị trường là cốt lõi), các phương pháp (mà cạnh tranh là sức sống), từ đó tạo ra những lực hút lực đẩy theo một xu hướng nhất định nhằm chi phối ba vấn đề cơ bản của nền sản xuất xã hội: sản xuất cái gì, sản xuất bằng cách

theo pháp luật. Một nhiệm vụ không thể thiếu được của cải cách thể chế là tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường: thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường vốn, thị trường sức lao động... Cải cách thể chế còn đòi hỏi một hệ thống đảm bảo xã hội (bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế...) nhằm xóa bỏ sự bao cấp tràn lan của ngân sách nhà nước.

2.4. Cải cách doanh nghiệp nhà nước, nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo vì nhà nước vừa là người sở hữu tài

sản quốc gia, vừa là người phân giao quyền sử dụng, vừa là người bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Các nhà nghiên cứu nền kinh tế chuyển đổi đã đưa ra hai phương thức chuyển đổi trong những năm đầu chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường: phương thức chuyển đổi theo biện pháp sốc và phương thức chuyển đổi từng bước. Đại diện điển hình cho phương thức liệu pháp sốc là nước Nga với chương trình "500 ngày chuyển đổi sang kinh tế thị trường" (do Sa - ta - lin đưa ra) bắt đầu từ tháng 1.1992. Đại diện cho phương thức chuyển đổi từng bước là Trung Quốc ở châu Á và Hungary ở Trung Âu. VN đã áp dụng chủ yếu phương thức chuyển đổi từng bước trong toàn bộ quá trình, song cũng kết hợp phương thức liệu pháp sốc đối với những nhiệm vụ cần và có thể tiến hành trong một thời gian như xử lý cơ chế giá cả, tỷ giá hối đoái, tự do hóa hoạt động thương mại.

3. Sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN vừa là một đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường theo định hướng XHCN vừa là một điều kiện tiền đề cần phải có để vận hành cơ chế kinh tế thị trường ở nước ta. Sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN không thể thiếu vai trò bà đỡ, khởi xướng và nuôi dưỡng của nhà nước, hơn thế nữa vai trò quản lý kinh tế của nhà nước càng trở nên cực kỳ quan trọng với các chức năng sau:

3.1. Tạo ra môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển trước hết là môi trường chính trị ổn định, đất nước hòa bình, an ninh trật tự được bảo đảm, quan hệ quốc tế được khai thông. Ổn định hóa nền kinh tế, trong đó đặc biệt quan trọng là sự ổn định kinh tế vì mô tránh được những xáo động to lớn, bất thường.

3.2. Khởi xướng, hướng dẫn và hỗ trợ mọi nỗ lực phát triển thông qua các công cụ quản lý vĩ mô:

- Thông qua công cụ luật pháp để thiết lập "luật chơi" cơ bản và hữu hiệu cho nền kinh tế thị trường, trong đó có 2 vấn đề trọng tâm (i) đảm bảo quyền sở hữu, bao gồm cả sở hữu của nhà nước đối với các tài sản của nhà nước đầu tư vào nền kinh tế; (ii) đảm bảo sự cạnh tranh tích cực trong nền kinh tế;

- Thông qua công cụ kế hoạch hóa để hoạch định các chiến lược phát triển quốc gia, kế hoạch nhà nước... nhằm vạch ra các hành lang kinh tế định hướng hoạt động và đầu tư cho các thành phần kinh tế, các đơn vị kinh tế;

- Sử dụng các công cụ của chính sách tài chính - tiền tệ để kích thích kinh tế phát triển theo mục tiêu kế hoạch, hạn chế mặt tiêu cực của thị trường đối với xã hội và con người, tham gia điều tiết thị trường có hiệu

quả.

- Cung cấp các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho nền kinh tế trong đó bao gồm kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (điện, nước, đường sá, bến cảng...), cung cấp tín dụng và hỗ trợ tài chính v.v... để mở đường cho kinh tế phát triển.

3.3. Sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước, quản lý tốt vốn và tài sản công để thực hiện quyền sở hữu thực của nhà nước. Vốn và tài sản công bao gồm cả đất đai và tài nguyên thiên nhiên đưa vào hoạt động kinh tế tạo nên khu vực kinh tế nhà nước.

3.4. Thực thi các chính sách xã hội, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Tuy không phải là chức năng quản lý kinh tế trực tiếp của nhà nước, song nó đặc biệt quan trọng vì góp phần ổn định xã hội, ổn định kinh tế, thực hiện chiến lược con người tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển.

4. Quá trình chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã mang lại kết quả đáng kể vượt quá mong mỏi ban đầu.

VN là một trong những nước có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới: tốc độ tăng trưởng GDP từ 1991 - 1996 là 8,4%, 1997: 8,8%; thu nhập đầu người tăng trên 5% mỗi năm.

Lạm phát giảm từ mức độ siêu lạm phát 800% năm xuống còn một con số, lạm phát vẫn giữ ở mức độ thấp là 2,1% năm tương đương vào quý 1/1997 thâm hụt ngân sách duy trì dưới 2% của GDP trong năm 1996.

Tích lũy trong nước tăng 5 lần so với GDP từ 3% lên đến 17% của GDP; đầu tư tăng gấp 3 lần từ 11,6% của GDP năm 1989 đến 28% của GDP năm 1996.

Sản lượng nông nghiệp tăng gấp đôi, VN từ một nước thiếu lương thực trở thành một trong ba nước xuất khẩu lúa gạo lớn nhất thế giới.

Đời sống nhân dân VN được cải thiện rõ rệt, tỉ lệ nghèo khổ của VN đã giảm 35% trong vòng có 10 năm từ 1986 tới nay là thành tích hiếm có.

5. Những thách thức đặt ra cho nền kinh tế VN

Cuộc khủng hoảng tài chính đông Á đã và đang gây ra những tác động bất lợi cho VN: luồng đầu tư nước ngoài đã giảm khoảng 60%, xuất khẩu đình trệ; 9 tháng đầu năm 1998 chỉ tăng 7,5%, sự sụt giảm của đầu tư trực tiếp nước ngoài và sự đình trệ của XK được đánh giá tương đương với 12% của GDP tức 3,0 tỷ USD; tỷ trọng đầu tư trong GDP giảm từ 27% xuống còn 20%; ảnh hưởng của khủng hoảng khu vực đã làm cho khả năng cạnh tranh của VN yếu đi, tỷ giá thực tế của tiền đồng VN vẫn còn cao hơn khoảng 10%; tốc độ tăng trưởng của GDP

chậm lại.

Để vượt lên thử thách, VN cần phát huy tối đa nguồn lực trong nước, giải phóng mọi năng lực sản xuất của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; phải sử dụng tập trung có hiệu quả hơn mỗi đồng VN, mỗi đô la bỏ ra cho đầu tư không được thiên về các công trình đòi hỏi quá nhiều vốn - thu hút ít lao động, thiên về dân cư thành thị, có mức bảo hộ cao.

Cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng của nông lâm ngư nghiệp, tăng giá trị và khối lượng hàng xuất khẩu, nâng cao thu nhập và sức mua của hàng chục triệu nông dân, khắc phục thu nhập thành thị tăng quá nhanh hơn thu nhập nông thôn. Như vậy sẽ cho phép giải phóng và phát huy nguồn lực con người ở nông thôn - yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững.

Cần đẩy mạnh việc cải tiến và hoàn thiện hệ thống ngân hàng: sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần, củng cố các ngân hàng thương mại quốc doanh, xây dựng một khuôn khổ pháp lý đảm bảo cho ngân hàng hoạt động an toàn và tạo ra một sân chơi bằng phẳng trong lĩnh vực này.

Cần đẩy mạnh chính sách thương mại tự do theo hướng: tạo điều kiện dễ dàng cho các doanh nghiệp được xuất nhập khẩu trực tiếp các hàng hóa không bị cấm; thực hiện luật giảm mức thuế nhập khẩu tối đa xuống 50% đối với 6 nhóm mặt hàng ngoại lệ và tiếp tục nghiên cứu đối với một số mặt hàng khác; nới lỏng quy định về hạn chế ngoại hối... nhằm tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế VN.

Cuối cùng, đẩy mạnh việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để đảm bảo mục tiêu cổ phần hóa 400 doanh nghiệp nhà nước vào năm 1999 và 2000 DNNN vào năm 2000. Một mặt khác, cần có chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển mạnh hơn nữa, chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ tạo ra nhiều chỗ việc làm với suất đầu tư thấp và có hiệu quả. Như vậy sẽ cho phép khơi dậy các năng lực sản xuất bị kìm hãm và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn vốn đã có ■

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản VN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.
2. GS. Trần Nhâm, Có một VN như thế: Đổi mới và phát triển, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
3. Niên giám thống kê 1995, 96, 97, Tổng cục thống kê
4. Tài liệu họp báo của Bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng Chính phủ ngày 30.5.1998.